

Số: /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**  
**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

a. Thực trạng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2014-2018 trên địa bàn tỉnh

Tuyên Quang là địa phương có điều kiện trong việc thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa như: diện tích đất nông nghiệp lớn, khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển cây trồng, vật nuôi. Xác định nông nghiệp có vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện từ trước đến nay khâu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chưa được trú trọng quan tâm, như: quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; năng suất, chất lượng, thu nhập còn thấp dẫn đến việc liên doanh, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ chưa nhiều, thiếu bền vững...

Hiện nay, tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh là 530.812 ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp 81.633,5 ha (*chiếm 15,38% đất nông nghiệp*), đất lâm nghiệp có rừng 446.641,3 ha (*chiếm 84,1% đất nông nghiệp và chiếm 76,12% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh*).

Tỉnh Tuyên Quang đã tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hàng hóa, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh: Vùng cam trên 8.800 ha; vùng chè trên 8.700 ha; vùng lạc trên 4.200 ha; vùng mía trên 10.000 ha. Chăn nuôi chuyển dịch theo hướng trang trại, gia trại. Diện tích rừng trồng gỗ nguyên liệu hiện có trên 119.000 ha, trong đó diện tích rừng gỗ lớn trên 39.000 ha, cấp chứng chỉ FSC được trên 19.000 ha.

Ngành nghề nông thôn và dịch vụ có sự phát triển, đến nay toàn tỉnh có 15.480 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp, 753 trang trại, 230 HTX. Hỗ trợ, tư vấn xây dựng, đăng ký được 42 nhãn hiệu sản phẩm nông sản gắn với xây dựng chất lượng tiêu chuẩn và phát triển thương hiệu.

Trên địa bàn tỉnh có 15 sản phẩm nông sản đã và đang được thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trong đó có 08 sản phẩm trồng trọt, 05 sản phẩm chăn nuôi, 01 sản phẩm cá, 01 sản phẩm lâm nghiệp. Việc hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm đã hình thành được các

vùng sản xuất tập trung, liên kết sản xuất như: liên kết trong sản xuất và tiêu thụ vùng Cam, Chè, trồng rừng nguyên liệu giấy, nguyên liệu mía...

Tuy nhiên, nông nghiệp của tỉnh đang đứng trước các thách thức lớn như sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là vấn đề tiêu thụ sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân do các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn còn ít; liên kết, hợp tác trong sản xuất - tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ nông dân còn yếu, lỏng lẻo. Vì vậy, cần được tổ chức lại sản xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa các hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để áp dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và giải quyết tình trạng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đang gặp nhiều khó khăn hiện nay.

Do vậy, việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác , liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là yêu cầu cần thiết đối với phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

#### b. Căn cứ để lựa chọn đối tượng hỗ trợ

Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật đầu tư và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác , liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và quản lý chất lượng , an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất. Vì thế các quy định trong dự thảo cần tạo điều kiện để phát triển sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân. Tập trung hỗ trợ vào khâu yếu nhất trong chuỗi liên kết.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, từ đó tạo ra mối liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

## **II. Đánh giá tác động của chính sách**

### **1. Các vấn đề bất cập**

Do địa hình chủ yếu là đồi núi, sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ chưa có nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, việc đầu tư mang lại hiệu quả chưa cao, khó trong việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

Số doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản còn ít và yếu.

Chi phí đầu tư lớn, hiệu quả thấp bên cạnh đó thị trường tiêu thụ không bền vững, số doanh nghiệp liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ còn ít.

Một số chính sách hỗ trợ của nhà nước trong việc đầu tư vào nông nghiệp chưa thu hút được các nhà đầu tư.

## **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Căn cứ theo quy định của Nghị định số 98/2018/NĐ-TTg ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và điều kiện thực tế tại địa phương các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trang trại; nghiên cứu vận dụng Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; tổng hợp các hình thức hỗ trợ từ các chính sách của tỉnh đã ban hành và các sản phẩm trong nông nghiệp của tỉnh đề xuất chính sách hỗ trợ cụ thể đối với nông dân, chủ trang trại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các doanh nghiệp.

## **3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề**

Nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó đề xuất hỗ trợ 04 nội dung:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết. (*Hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị ; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*).
- Hỗ trợ giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã.
- Hỗ trợ chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

## **4. Đánh giá tác động của giải pháp**

Các chính sách được nêu cụ thể trong quy định này sẽ giúp cho quá trình triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ được công khai, minh bạch, dễ áp dụng. Dự thảo Nghị quyết đã bám sát thực tiễn trong việc phát triển các mối liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân đầu tư vào nông nghiệp, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**4.1. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành:** Chính sách được ban hành theo đúng quy định, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân dễ dàng tiếp cận với các quy định của pháp luật một cách tập trung, thống nhất khi tham gia thực hiện chính sách.

## **4.2. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành:**

Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ gồm: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với HTX; chương trình, dự án về khuyến

nông, Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và nguồn vốn chương trình, dự án hợp pháp khác.

Trong quá trình thực hiện UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối, bố trí, xác định nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đảm bảo kịp thời, đúng chế độ.

**4.3. Tác động đến đối tượng chịu sự tác động:** Việc thi hành quy định này sẽ góp phần giải quyết những khó khăn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân trong việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**4.4. Tác động đối với kinh tế:** Chính sách được thực hiện sẽ thu hút thêm các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tạo ra nhiều một kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hướng bền vững, tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

**4.5. Tác động đối với xã hội:** Chính sách được ban hành sẽ giải quyết được việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho nông nghiệp, nông thôn trên địa tỉnh.

**4.6. Tác động đối với môi trường:** Trong quá trình triển khai thực hiện quy định các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân phải thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định, do vậy việc xử lý chất thải trong sản xuất đều được tuân thủ theo quy định về bảo vệ môi trường.

**4.7. Đối với cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương:** Việc ban hành chính sách này sẽ tạo khuôn khổ pháp luật thống nhất, phù hợp với thực tế và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành.

**5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:** Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định.

### **III. Lấy ý kiến**

1. Xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang.

Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

2. Kết quả xin ý kiến Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp, hợp tác xã NLN.

Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

3. Ý kiến tham gia, góp ý của các Sở và UBND các huyện, thành phố

Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

4. Xin ý kiến nhân dân khác: Đăng tải trên trang tin điện tử của tỉnh.

#### **IV. Nguồn lực thực hiện**

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách khoảng 16,5 tỷ đồng. Trong đó:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: 1,0 tỷ đồng.
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: 8,0 tỷ đồng.
- Hỗ trợ giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã: 5,0 tỷ đồng.
- Hỗ trợ chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: 2,5 tỷ đồng.

#### **V. Giám sát và đánh giá**

##### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân thực hiện Nghị quyết. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện chính sách.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh cấp quyết định hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân; tổ chức nghiệp vụ dự án hoàn thành khi có đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân.

##### **2. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ thẩm định các dự án thuộc đối tượng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm báo cáo UBND tỉnh. Phối hợp thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của chính sách.

- Chủ trì thẩm định hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định. Theo dõi việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, tham mưu cho UBND tỉnh điều hành kinh phí hỗ trợ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

##### **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, nghiệm thu các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Ban hành các hướng dẫn chuyên ngành về giống, kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

#### **4. Các Sở Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu các dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường, khoa học - công nghệ theo quy định.

#### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu các dự án hoàn thành.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án được hỗ trợ theo Nghị quyết trên địa bàn quản lý. Giải quyết vướng mắc liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền tại địa bàn quản lý.

#### **6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh**

- Tuyên truyền, triển khai cơ chế, chính sách đến các hội viên

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan triển khai, thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ngành, tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đại Thành**